

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **L T H T**, sinh 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6 (tổ 11 cũ), phường Y La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Nơi đăng ký tạm trú: Số nhà 58, tổ 14 (tổ 29 cũ), phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn*: Anh **N Đ T**, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Lạnh, xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Nơi đăng ký tạm trú: Số nhà 58, tổ 14 (tổ 29 cũ), phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **L T H T** và anh **N Đ T**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lâm Như Quỳnh, sinh ngày 31/10/2012 cho chị **L T H T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh **N Đ T** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Chị L T H T và anh N Đ T không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị L T H T và anh N Đ T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ.

- Về án phí: Chị L T H T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị L T H T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, trả lại chị L T H T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000167 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh N Đ T không phải chịu án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- THADS tp Tuyên Quang;
- UBND xã Tuân Lộ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Vương Thị Lan